

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày 07 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Bích Loan;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 213/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 31/2021/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn V (tên gọi khác: VB), sinh năm 1993; nơi sinh: Huyện PT, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn K, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1969; anh, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Trường G, sinh năm 1979; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 01, ấp AK, xã KA, huyện

AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (L), sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; anh, em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ ba; có vợ tên Trần Thị L, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008; có vợ tên Võ Thị M, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14/11/1996, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 18 tháng tù được hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, về tội “Hủy hoại tài sản công dân”. Đã chấp hành xong.

- Ngày 14/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Đã chấp hành xong.

Bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường G: Ông Phạm Minh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ÂĐ, huyện HÂ, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn AT, xã ÂT, huyện HÂ, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Anh Bùi Văn L1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn TY, xã H, huyện MY, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Anh Bùi Trọng S, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn TY, xã H, huyện MY, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Ông Trịnh Văn P1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/12/2020, do có nhu cầu về Việt Nam, Nguyễn Tấn P gặp BR (đang sống tại Campuchia) nhờ tìm người đưa P cùng Nguyễn Văn T, Bùi Văn L1, Bùi Trọng S và Trịnh Văn P1 về Việt Nam được R cho số điện thoại của H (chạy xe Tuk Tuk) để đưa về Việt Nam giá mỗi người 250USD. Khoảng 07 giờ

ngày 09/12/2020, H chạy xe đến nhà trọ tại thủ đô Phnôm Pênh, Campuchia chở P, T, L1, S, P1 đến nhà của L2 (sống tại xã Prek Chrey) thì L thu tổng cộng 05 người là 1.250USD. Để thực hiện, L2 thỏa thuận với Huỳnh Văn V và Phạm Trường G tổ chức cho 05 người này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, L2 trả tiền công 500.000 đồng, thì V và G đồng ý.

Khoảng 09 giờ ngày 09/12/2020, V nhờ Huỳnh Thanh Đ (sinh năm 2000, em ruột của V) chạy vỏ lãi sang xã Prek Chrey, huyện Kaoh Thum, tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia để V gặp L2 giao chở P, T, L1, S và P1 từ Campuchia nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau đó, V chở 05 người nhập cảnh đến nhà của G và V đưa cho G 500.000 đồng. G liên hệ Trạm xe HC tại huyện AP đặt 05 vé về Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Trạm xe không đồng ý do khách không phải là người địa phương. G kêu Trần Văn L3 chở 5 người nhập cảnh đến Trạm xe HC tại thành phố CD nhưng L3 đòi tiền công 600.000 đồng/người nên G không đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 10/12/2020, Công an xã KA, huyện AP phát hiện nên mời 05 người nhập cảnh về trụ sở Công an làm việc. Cùng ngày, V và G đến Công an xã KA, huyện AP đầu thú.

Ngày 10/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP ban hành Quyết định tạm giữ đối với Huỳnh Văn V (VB) và Phạm Trường G về hành vi “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Đến ngày 18/12/2020, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Huỳnh Văn V (VB) và Phạm Trường G về hành vi “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Tại Bản Cáo trạng số 52/CT-VKSAG-P1 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Huỳnh Văn V (VB) và bị cáo Phạm Trường G về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Huỳnh Văn V không có ý kiến với nội dung Cáo trạng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Phạm Trường G khai nhận không quen biết với đối tượng tên L2, chỉ trao đổi, thỏa thuận với bị cáo Huỳnh Văn V trong việc tổ chức cho 05 người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, trong quá trình điều tra bị cáo mới biết tên của 05 người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là anh Huỳnh Thanh Đ, anh Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Văn T, anh Bùi Văn L1, anh Bùi Trọng S, ông Trịnh Văn P1. Ngoài ra, bị cáo không có ý kiến với nội dung Cáo trạng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường G, ông Phạm Minh T trình bày: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Phạm Trường G và quan điểm luận tội mà Kiểm sát viên trình bày. Tuy nhiên, cần xem xét vai trò của bị cáo G không phải là người chủ động phạm tội mà chỉ làm theo sự chỉ đạo của bị cáo V. Ngoài ra, cần xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra theo Bản kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố số 16/KLĐT ngày 09/6/2021 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt do là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Xác định hành vi của bị cáo Huỳnh Văn V (VB) và bị cáo Phạm Trường G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo tại phiên tòa.

Về vai trò đồng phạm, cả hai bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành và cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công vai trò cụ thể nên được xem là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Trường G mặc dù có trình độ học vấn thấp nhưng trước đó đã bị kết án 02 lần, đã từng được giáo dục tại phiên tòa và trong thời gian chấp hành án, sau đó bị cáo vẫn phạm tội nên không được xem là nhận thức pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra, đối với điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri: 357792060102051, có gắn sim số thuê bao 0788935706, bị cáo đã sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội và ngoài lời trình bày của bị cáo, không có chứng cứ nào khác chứng minh điện thoại di động này là của người khác, vì vậy đề nghị không xem xét trả lại cho bị cáo. Đề nghị không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo G.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đầu thú; bị cáo Huỳnh Văn V có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự; bị cáo Phạm Trường G thuộc hộ cận nghèo, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng.

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn V (VB) từ 05 (năm) tù đến 06 (sáu) năm tù và bị cáo Phạm Trường G từ 06 (sáu) năm tù đến 07 (bảy) năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn V, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xám, số máy R58JA4LL6YR, số IMEI 1: 353317092153304/01, số IMEI 2: 35331809253302/01, có gắn sim số điện thoại 0583015852; 01 (một) xuồng gỗ dài 07 m; 01 (một) võ lãi Composit dài 6,3 m; 01 (một) máy nổ hiệu Kubota. Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Trường G, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri: 357792060102051, có gắn sim số thuê bao 0788935706; 01 (một) điện thoại di động hiệu ACE, màu đen, số Seri: 359053911023022, có gắn sim số thuê bao 0815777509; tiền Việt Nam 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Phạm Trường G giao nộp số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với:

- Nguyễn Tấn P, Nguyễn Văn T, Bùi Văn L1, Bùi Trọng S, Trịnh Văn P1 đã có hành vi nhập cảnh trái phép, đã bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”. Đã chấp hành xong vào ngày 25/12/2020.

- Đối tượng tên BR, H, L1 có hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép hiện đang sinh sống ở Campuchia nên không thể tiến hành xác minh làm rõ. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Huỳnh Thanh Đ có hành vi đưa 01 người khách của V nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam nhưng Đ không hứa hẹn hay thỏa thuận trước với V về việc chở khách, cũng không nhằm mục đích vụ lợi nên hành vi của Đ không cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” nên Cơ quan An ninh điều tra không khởi tố đối với Đ là có căn cứ.

- Huỳnh Văn V, Huỳnh Thanh Đ đã có hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép qua biên giới Việt Nam - Campuchia. Nhưng xét thấy, V, Đ chưa bị xử

phạt vì phạm hành chính về hành vi này nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, chỉ cần công khai giáo dục tại phiên tòa là thỏa đáng.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo Huỳnh Văn V yêu cầu được nhận lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xám, có gắn sim số điện thoại 0583015852 và 01 (một) võ lải Composit dài 6,3 m; bị cáo Phạm Trường G yêu cầu được nhận lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen có gắn sim số thuê bao 0788935706.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Huỳnh Thanh Đ, anh Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Văn T, anh Bùi Văn L1, anh Bùi Trọng S, ông Trịnh Văn P1 cùng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, các bị cáo, ông Phạm Minh T không có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này. Xét việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo, ông Phạm Minh T không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Lời nhận tội của bị cáo Huỳnh Văn V (VB) và bị cáo Phạm Trường G tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 10/12/2020 của Công an xã KA, huyện AP phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định bị cáo Huỳnh Văn V (VB) và bị cáo Phạm Trường

G đã tổ chức đưa Nguyễn Tấn P, Nguyễn Văn T, Bùi Văn L1, Bùi Trọng S và Trịnh Văn P1 nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam nhằm mục đích thu lợi bất chính với số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền Việt Nam.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh ở Việt Nam nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vai trò đồng phạm trong vụ án, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tham gia với vai trò là người thực hành; không có sự câu kết chặt chẽ và phân chia vai trò cụ thể nên được xem là đồng phạm giản đơn.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Việc xuất, nhập cảnh trái phép không chỉ liên quan trực tiếp đến công tác bảo vệ an ninh đất nước, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tại thời điểm hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến ngày càng phức tạp, dịch bệnh lây lan nhanh với số ca nhiễm ngày càng tăng và quy mô ngày một lan rộng trong cả nước, trong đó, các ca nhiễm mới liên quan đến những người nhập cảnh được phát hiện với tỷ lệ cao. Vì vậy, việc nâng cao cảnh giác trước tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép qua đường mòn, lối mở trên biên giới bộ kết hợp với công tác phòng, chống dịch bệnh được nhà nước chú trọng, quan tâm. Trong giai đoạn đầy khó khăn, thử thách này, tính tự giác trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cần phải được thực hiện nghiêm nhằm mục đích đem lại sự bình yên, an toàn cho cộng đồng và đất nước. Tuy nhiên, chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân mà các bị cáo đi ngược lại với lợi ích chung của cả cộng đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý hành chính trong việc kiểm soát người xuất, nhập cảnh mà còn gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà nhà nước và xã hội đang ra sức thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân, bị cáo Huỳnh Văn V (VB) là người có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự; bị cáo Phạm Trường G mặc dù được xem là không

có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về các tội “Hủy hoại tài sản công dân” và “Cướp tài sản”.

Về lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường G: Đối với yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Xét thấy, bị cáo đã từng bị kết án 02 lần, bị cáo cũng trình bày trong quá trình chấp hành án, bị cáo cũng đã được giáo dục về việc chấp hành chính sách pháp luật của nhà nước. Do đó, bị cáo không được xem là có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 mà người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường G đề nghị áp dụng cho bị cáo; xét thấy tình tiết “Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm” phải được thể hiện bằng việc cung cấp những thông tin, tài liệu, bằng chứng có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện và điều tra tội phạm; chỉ nơi cất giấu tang vật, nơi người phạm tội khác đang trốn tránh; cung cấp thông tin về tội phạm khác, người phạm tội khác không liên quan đến mình. Việc bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chỉ thể hiện bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, chưa cung cấp được thông tin về tội phạm khác, người phạm tội khác không liên quan đến bị cáo. Cho nên, tình tiết “tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án” mà Bản kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố số 16/KLĐT ngày 09/6/2021 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang đề xuất áp dụng cho bị cáo không được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, không chấp nhận áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo G theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo do bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đầu thú; bị cáo V thuộc thành phần lao động nghèo; bị cáo G thuộc hộ cận nghèo; cả hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt:

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như sự cần thiết đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo nhằm đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Việc áp dụng hình phạt tù còn nhằm

đảm bảo mục đích cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn V (VB), bao gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xám, số máy R58JA4LL6YR, số IMEI 1: 353317092153304/01, số IMEI 2: 35331809253302/01, có gắn sim số điện thoại 0583015852; 01 (một) xuồng gỗ dài 07 m; 01 (một) võ lãi Composit dài 6,3 m; 01 (một) máy nổ hiệu Kubota. Do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Trường G: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri: 357792060102051, có gắn sim số thuê bao 0788935706; 01 (một) điện thoại di động hiệu ACE, màu đen, số Seri: 359053911023022, có gắn sim số thuê bao 0815777509; tiền Việt Nam 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước. Đối với yêu cầu được nhận lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen có gắn sim số thuê bao 0788935706 của bị cáo Phạm Trường G, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội, không có cơ sở chứng minh điện thoại di động này là của người khác và bị cáo sử dụng mà người đó không biết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

- Bị cáo Phạm Trường G đã giao nộp số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng khi đầu thú nên bị cáo còn phải giao nộp số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước do đây là tiền bị cáo do phạm tội mà có.

[10] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Tấn P, Nguyễn Văn T, Bùi Văn L1, Bùi Trọng S, Trịnh Văn P1 đã có hành vi nhập cảnh trái phép. Các đối tượng này đã bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định” và đã chấp hành xong vào ngày 25/12/2020. Việc xử lý nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự đối với những người tham gia tố tụng này.

Đối với Huỳnh Thanh Đ có hành vi đưa 01 người khách của V nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam nhưng Đ không hứa hẹn hay thỏa thuận trước với V về việc chở khách, cũng không nhằm mục đích vụ lợi nên hành vi

của Đ không cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” nên Cơ quan An ninh điều tra không khởi tố đối với Đ là có căn cứ.

Đối với Huỳnh Văn V, Huỳnh Thanh Đ đã có hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép qua biên giới Việt Nam - Campuchia. Nhưng xét thấy, V, Đ chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cũng công khai giáo dục, nhắc nhở Huỳnh Văn V và Huỳnh Thanh Đ, nếu tiếp tục vi phạm thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh làm rõ các đối tượng tên BR, H, L2 có hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép để xử lý theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[13] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Huỳnh Thanh Đ, anh Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Văn T, anh Bùi Văn L1, anh Bùi Trọng S, ông Trịnh Văn P1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn V (VB) và bị cáo Phạm Trường G phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Văn V (VB): 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 10/12/2020 (ngày mười tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Bị cáo Phạm Trường G: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam ngày 10/12/2020 (ngày mười tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xám, số máy R58JA4LL6YR, số IMEI 1: 353317092153304/01, số IMEI 2: 35331809253302/01, có gắn sim số điện thoại 0583015852; 01 (một) xuống gỗ dài 07 m; 01 (một) vỏ lãi Composit dài 6,3 m; 01 (một) máy nổ hiệu Kubota.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri: 357792060102051, có gắn sim số thuê bao 0788935706; 01 (một) điện thoại di động hiệu ACE, màu đen, số Seri: 359053911023022, có gắn sim số thuê bao 0815777509; tiền Việt Nam 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

- Buộc bị cáo Phạm Trường G giao nộp số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Huỳnh Văn V (VB) và bị cáo Phạm Trường G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Huỳnh Thanh Đ, anh Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Văn T, anh Bùi Văn L1, anh Bùi Trọng S, ông Trịnh Văn P1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh An Giang (2);
- Nhà tạm giữ - CA huyện An Phú (2);
- Phòng hồ sơ (2);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người bào chữa cho bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (6);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn